

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 243/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02/8/2021
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công

2. Ông Trịnh Văn Bé

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh A G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh A G không tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 417/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 359/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Phước L (P), sinh năm 1980; địa chỉ: ấp A T, xã HA, huyện CM, tỉnh A G; có mặt.

Bị đơn: Bà Tạ Thị Kim N, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp M A, xã M A, huyện CM, tỉnh A G; có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Phước L trình bày, ông và bà N sau thời gian tự tìm hiểu và

được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới ngày 31 tháng 5 năm 2020, vợ chồng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau thời gian chung sống đến tháng 4 năm 2021, ông L, bà N thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, cha mẹ hai bên có khuyên nhưng bà N không sửa đổi. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 4 năm 2021 đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông L yêu cầu được ly hôn với bà N; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình (bản sao).

Bị đơn bà Tạ Thị Kim N trình bày: Bà thông nhất lời trình bày ông L, về thời gian sống chung, vợ chồng không đăng ký kết hôn, trong thời gian sống chung ông L không quan tâm đến bà khi bà bị bệnh nằm tại bệnh viện, bà có điện thoại cho ông L nhưng ông L vẫn không đến, bà và ông L không còn sống chung từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, ông L xin ly hôn bà đồng ý, do bà bận công việc gia đình cho bà xin vắng mặt tại các buổi xét xử, bà không khiếu nại gì về sau. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, ông L không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Trần Phước L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Tạ Thị Kim N cư trú ấp M A, xã M A, huyện CM, tỉnh A G, Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Tạ Thị Kim N đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng có ý kiến xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Ông L và bà N sau thời gian tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận ông L, bà N là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Ông L, bà N xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông L, bà N xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trần Phước L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 53, các Điều 14, 56, 57, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Trần Phước L và bà Tạ Thị Kim N là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Trần Phước L, bà Tạ Thị Kim N xác định không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Phước L, bà Tạ Thị Kim N, xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Ông Trần Phước L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009517 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh A G cấp ngày 21 tháng 5 năm 2021; ông Trần Phước L đã nộp đủ án phí.

Bà Tạ Thị Kim N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện CM (2);
- TAND tỉnh A G (1);
- Chi cục THADS huyện CM (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn